TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 528/2024/HS-PT
Ngày 10/7/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tuyển;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Phan Nam;

Ông Phạm Văn Lợi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Cảnh Duy – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa*:** Bà Đoàn Thị Bình - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 10 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 457/2024/TLPT-HS ngày 23 tháng 4 năm 2024 đối với bị cáo Cao Minh T, do có kháng cáo của bị cáo, bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 79/2024/HS-ST ngày 12 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

- Bị cáo có kháng cáo, bị kháng cáo:

Cao Minh T, sinh ngày 02/11/1981 tại huyện S, tỉnh Sơn La; nơi cư trú: Tổ dân phố D, thị trấn S, huyện S, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Nguyên công chức Trung tâm Chính trị huyện S; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; đảng phái, đoàn thể: Là Đảng viên (đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng, theo Quyết định số 31/QĐ/UBKTHU ngày 01/7/2021 của Ủy ban kiểm tra huyện ủy Sông Mã, tỉnh Sơn La); con ông Cao Xuân B và bà Mai Thị H; có vợ là Hà Thị Kim L (đã ly hôn) và có 02 con (con lớn sinh năm 2008, con nhỏ sinh năm 2013); tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tại Bản án hình sự phúc thẩm số 08/2023/HSPT ngày 09/01/2023, Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã tuyên phạt Cao Minh T 16 năm 06 tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Bị cáo đang chấp hành án tại Trại giam T3, Bộ C và hiện đang được trích xuất về Trại Tạm giam Công an tỉnh S, có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo theo chỉ định của Tòa án: Luật sư Lò Văn P – Đoàn Luật sư tỉnh S, có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại có kháng cáo: Ông Ngô Tiến L1, sinh năm 1959 và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1962; cùng địa chỉ: Tổ dân phố D, thị trấn S, huyện S, tỉnh Sơn La;

ông L1 có mặt, bà N vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trước thời điểm tháng 6/2018, Cao Minh T vay mượn tiền của nhiều người trên địa bàn huyện S. Do cần tiền để đảo nợ và chi tiêu, T đặt vấn đề vay tiền của vợ chồng ông Ngô Tiến L1, bà Nguyễn Thị N. Qua nói chuyện, vợ chồng ông L1, bà N đồng ý cho T vay số tiền 600.000.000 đồng và yêu cầu phải có tài sản bảo đảm. Để lấy được tiền, mặc dù không có quyền sử dụng thửa đất của vợ chồng chị Cao Thu H1 và anh Nguyễn Văn T1 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CH 00454 có địa chỉ tại tổ dân phố I, thị trấn S huyện S nhưng T đã thỏa thuận thế chấp cho vợ chồng ông L1, bà N (*Vợ chồng ông L1, bà N không biết thửa đất của chị H1; chị H1 không biết việc T sử dụng thửa đất của mình để thế chấp*). Khi làm thủ tục, T và vợ chồng ông L1, bà N viết giấy vay dưới hình thức chuyển nhượng đất thổ cư ngày 30/6/2018, nội dung: vợ chồng ông L1, bà N mua một thửa đất của T có kích thước 4,5x30m với giá là 600.000.000 đồng, hẹn sau 01 năm nếu T lấy lại đất thì phải trả lại tiền vay và tiền lãi suất là 1,5%/tháng. Nếu T không trả được tiền thì thửa đất trên sẽ là của ông L1, bà N. Hai bên nhờ bà Bùi Thị O (*hàng xóm*) ký tên xác nhận dưới mục người chứng kiến. Do vợ chồng ông L1, bà N yêu cầu phải có chữ ký xác nhận của gia đình nên T mang giấy chuyển nhượng đất về nhà đưa ông Cao Xuân B (*bố đẻ T*) ký xác nhận để vay được tiền. Toàn bộ số tiền 600.000.000 đồng nhận từ vợ chồng ông L1, bà N, T sử dụng trả nợ và chi tiêu cá nhân.

Đến khoảng tháng 12/2018, do bị các chủ nợ liên tục đòi tiền nên T thỏa thuận với chị Cao Thu H1 về việc đổi thửa đất mang tên ông Cao Xuân B theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CH0387 có địa chỉ tại tổ dân phố A, thị trấn S, huyện S (vị trí số 04) *(vì ông B ở cùng nên T nghĩ sẽ được thừa kế thửa đất đó)* để lấy thửa đất của chị H1 (*thửa đất T sử dụng thế chấp cho vợ chồng ông L1, bà N)* với mục đích bán thửa đất của chị H1 để trả nợ nên chị H1 đồng ý. Sau khi T bán thửa đất của chị H1 (chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị Bích T2 - vị trí số 01) thì vợ chồng ông L1, bà N phát hiện và hỏi T về việc bán thửa đất đã thế chấp mà không được sự đồng ý của vợ chồng ông L1, bà N. Để tránh việc vợ chồng ông L1, bà N yêu cầu trả lại tiền do T tự ý bán tài sản thế chấp nên T thoả thuận, sử dụng một phần diện tích thửa đất thuộc quyền sở hữu của vợ chồng Cao Minh T và Hà Thị Kim L theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 00453, địa chỉ tại tổ dân phố A, thị trấn S, huyện S để làm bảo đảm cho khoản vay. Vợ chồng ông L1, bà N đồng ý, yêu cầu T viết nội dung đổi đất thế chấp vào mặt sau của tờ giấy chuyển nhượng khi vay tiền. Nội dung thể hiện*: "Ngày 11/12/2018, do điều kiện nên tôi chuyển mảnh đất anh chị Nghĩa L2 mua chuyển sang mảnh đất phía tay phải số nhà 25 của tôi..."*. Trước đó, thời điểm tháng 2/2017, T đã nhờ chị Cao Thu H1 đứng tên và sử dụng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này để thế chấp vay ngân hàng V để T sử dụng.

Khoảng tháng 7/2020, để trả nợ cho chị H1 số tiền 2.750.000.000 đồng và

có tiền sử dụng, T nhờ chị H1 vay tiền bên ngoài để tất toán khoản vay năm 2017 tại Ngân hàng, lấy lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên vợ chồng T. Ngày 14/7/2020, chị Hà tất t khoản nợ và làm thủ tục xóa thế chấp khoản vay đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên T. Sau đó, T thực hiện thủ tục tặng, cho nhà và đất của T cho ông Cao Xuân B và làm thủ tục để ông B tặng, cho chị H1. Sau khi hoàn tất việc cho tặng, chị H1 sử dụng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên để vay tiền tại ngân hàng. Việc tất toán, cho tặng và đăng ký quyền sử dụng được thực hiện theo quy định tại ngân hàng, quy định của pháp luật về công chứng và đăng ký quyền sử dụng đất (vị trí số 02, 03). Khi làm thủ tục, T không nói cho vợ chồng ông L2, bà N biết. Sau khi biết việc T tặng, cho tài sản đã thế chấp, vợ chồng ông L2, bà N nhiều lần yêu cầu T trả lại tiền nhưng T không thực hiện (*ký vào các giấy cam kết tháng 12/2020 và 5/2021*).

(*Tổ dân phố 9 và 10 được sáp nhập và đặt tên thành tổ dân phố 4 theo Nghị quyết số 165/NQ-HĐND ngày 05/12/2019 của HĐND tỉnh S*).

Tại Kết luận giám định số 5656/KL-KTHS ngày 30/11/2022, V1 - Bộ C kết luận:

+ Chữ ký, chữ viết đứng tên Cao Minh T dưới các chữ "*Tôi đã nhận đủ số tiền 600 triệu đồng*", chữ viết có nội dung "*Ngày 11/12/2018 do điều kiện nên tôi chuyển mảnh đất anh Chị Nghĩa L2 mua chuyển sang mảnh đất phía tay phải số nhà 25 của tôi hướng giáp nhà anh chị Nghĩa L2*" và chữ ký chữ viết đứng tên Cao Minh T ở góc trái phía dưới trang 2 trên Giấy chuyển nhượng đất thổ cư đề ngày 30/6/2018; chữ ký chữ viết trên các Giấy cam kết đề ngày 17/5/2020; Giấy cam kết đề ngày 10/12/2020 (*Trừ chữ ký dưới mục "Người làm chứng"*) so với chữ ký, chữ viết của Cao Minh T trên các mẫu so sánh do cùng một người ký, viết ra.

+ Chữ ký, chữ viết đứng tên Cao Xuân B dưới mục "*người Đồng Thừa kế Bên Bán*" trên Giấy chuyển nhượng đất thổ cư đề ngày 30/6/2018 so với chữ ký, chữ viết của Cao Xuân B trên các mẫu so sánh do cùng một người ký, viết ra.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 79/2024/HS-ST ngày 12 tháng 3 năm 2024, Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La đã quyết định:

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt Cao Minh T 12 năm tù về tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*. Tổng hợp với hình phạt 16 năm 06 tháng tù tại Bản án hình sự phúc thẩm số 08/2023/HS-PT ngày 09/01/2023 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đối với Cao Minh T, buộc bị cáo Cao Minh T phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là: 28 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 28/6/2021.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 579, Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật Dân sự: Buộc bị cáo Cao Minh T phải có trách nhiệm bồi thường cho bị hại là ông Ngô Tiến L1 và bà Nguyễn Thị N số tiền là 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định tách việc giải quyết về dân sự để giải quyết ở vụ án khác nếu có yêu cầu đối với một số người có quyền lợi,

nghĩa vụ liên quan, quyết định về nghĩa vụ thi hành án, lãi suất chậm thi hành bản án, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 15/3/2024, bị cáo Cao Minh T có đơn kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt do: Bị cáo bị truy tố và xét xử về cùng một tội danh "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" tại 02 bản án khác nhau là không công bằng, gây bất lợi cho bị cáo; quá trình tạm giam, bị cáo đã lập công thuyết phục một đối tượng Mua bán trái phép chất ma túy giao nộp 01 khẩu súng AK và thuyết phục ba đối tượng có ý định tự tử chấp hành tốt quy định của pháp luật và được Trại tạm giam Công an tỉnh S gửi Công văn cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La đề nghị xem xét nhưng không được cấp sơ thẩm chấp nhận.

Ngày 25/3/2024 và ngày 31/3/2024, bị hại là ông Ngô Tiến L1, bà Nguyễn Thị N có đơn kháng cáo toàn bộ bản án, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm tăng hình phạt đối với bị cáo do bị cáo không bồi thường, khắc phục hậu quả cho bị hại, đã 03 lần đưa ra thông tin gian dối nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản của bị hại nhưng không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, mức hình phạt 12 năm tù đối với bị cáo là quá nhẹ, không đủ răn đe, phòng ngừa, không đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật; về dân sự, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Cao Minh T, bà Hà Thị Kim L và ông Cao Xuân B; Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Cao Xuân B và bà Cao Thu H1, ông Nguyễn Văn T1 vô hiệu do giả tạo và không đủ điều kiện về giao dịch tặng cho. Trường hợp cấp phúc thẩm không xem xét, giải quyết, đề nghị tách ra để giải quyết bằng một vụ án dân sự khác, để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ của bị cáo Cao Minh T cho bị hại theo quy định pháp luật; Buộc bị cáo phải chịu lãi suất đối với số tiền 600.000.000 đồng tính từ ngày 30/6/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm là 516.600.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, nhận thấy mức hình phạt là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi nên đã tự nguyện rút toàn bộ kháng cáo, đồng thời đề nghị HĐXX xem xét không chấp nhận kháng cáo của bị hại, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị hại có kháng cáo là bà Nguyễn Thị N vắng mặt, ông Ngô Tiến L1 giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị HĐXX chấp nhận kháng cáo của bị hại, sửa bản án sơ thẩm theo nội dung kháng cáo của bị hại.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Xét việc bị cáo Cao Minh T rút kháng cáo là tự nguyện, không bị ai ép buộc, đề nghị HĐXX đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo. Đối với kháng cáo của bị hại: Về hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Cao Minh T về tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật; mức hình phạt là tương xứng. Về trách nhiệm dân sự, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường cho bị hại là ông Ngô Tiến L1 và bà Nguyễn Thị N số tiền là 600.000.000 đồng và không buộc bị cáo phải chịu lãi suất đối với số tiền chiếm đoạt là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật. Đối với các

Hợp đồng tặng cho là giao dịch dân sự, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát không khởi tố, truy tố trong vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét nên tại cấp phúc thẩm không có thẩm quyền giải quyết. Tại phiên tòa phúc thẩm, không phát sinh tình tiết mới. Do đó, kháng cáo của bị hại là không có cơ sở chấp nhận.

Vì vậy, căn cứ Điều 348; Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị HĐXX đình chỉ việc xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo Cao Minh T; không chấp nhận kháng cáo của bị hại và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định như sau:

[1]. Lời khai của bị cáo Cao Minh T tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai nhận tội của bị cáo tại cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; phù hợp với Giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất có chứ ký Cao Minh T, Cao Xuân B; Giấy cam kết có chữ ký Cao Minh T; Kết luận giám định chữ ký trên các giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất, giấy cam kết, phù hợp với các vật chứng thu giữ cùng các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở để kết luận:

Cao Minh T vay nợ của nhiều người trên địa bàn huyện S, để có tiền đảo nợ và chi tiêu cá nhân, Cao Minh T đã đưa ra thông tin gian dối để cho bị hại lầm tưởng bị cáo có quyền sử dụng đất hợp pháp đối với thửa đất có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 00454 mang tên Cao Thu H1, không được sự cho phép của người có quyền sử dụng, định đoạt mảnh đất bị cáo đã thế chấp quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông L1, bà N dưới hình thức viết giấy chuyển nhượng đất thổ cư với bị hại để có được số tiền 600.000.000 đồng từ vợ chồng ông L1, bà N. Khi bị vợ chồng ông L1, bà N phát hiện thửa đất nêu trên đã bị bán, T đã thoả thuận đổi sang mảnh đất của vợ chồng T. Vợ chồng ông L1, bà N khi đó không biết thửa đất của vợ chồng T đã thế chấp tại ngân hàng do Cao Thị H2 đứng tên vay giúp bị cáo từ năm 2017. Đến tháng 7/2020, T đã làm thủ tục tặng cho mảnh đất của vợ chồng T cho chị Cao Thu H1 để khấu trừ khoản vay với chị H1 và nhờ chị H1 vay thêm tiền cho T. Số tiền nhận được, T đã chi tiêu hết, không trả nợ cho vợ chồng ông L1, bà N.

Vì vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xét xử bị cáo Cao Minh T về tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

[2]. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo tự nguyện rút toàn bộ kháng cáo, căn cứ quy định tại Điều 348 Bộ luật Tố tụng hình sự, HĐXX đình chỉ việc xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo Cao Minh T.

[3]. Xét kháng cáo đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo của bị hại, HĐXX thấy:

Cao Minh T phạm tội thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng, bị cáo đã chiếm đoạt số tiền lớn, không những trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản

hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, xâm phạm trật tự an toàn xã hội, trật tự quản lý hành chính Nhà nước, gây dư luận xấu tại địa phương. Mặc dù bị cáo đã nhiều lần đưa ra thông tin gian dối, nhưng bị cáo chỉ lừa đảo chiếm đoạt tài sản là số tiền 600.000.000 đồng của bị hại một lần, những lần đưa ra thông tin gian dối sau nhằm mục đích tránh để bị hại đòi lại số tiền này chứ không nhằm mục đích tiếp tục Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bị hại. Do đó, cấp sơ thẩm không áp dụng tình tiết tăng nặng phạm tội 02 lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự là phù hợp quy định pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm cũng đã áp dụng đúng và đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo như: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Cao Minh T thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bản thân bị cáo trong quá trình công tác được tặng nhiều giấy khen, bị cáo có bố là ông Cao Xuân B được UBND tỉnh S tặng bằng khen về việc đã có thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ công tác, tặng Kỉ niệm chương Vì sự nghiệp xây dựng và phát triển tỉnh Sơn La; đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngày 08/11/2023, Trại tạm giam Công an tỉnh S có công văn đề nghị xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ đối với Cao Minh T. Tuy nhiên, Trại Tạm giam không gửi kèm tài liệu chứng cứ để xem xét áp dụng. Ngày 28/11/2023, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La có công văn số 1095/VKS-P3 gửi Trại Tạm giam đề nghị cung cấp tài liệu chứng cứ nhưng cho đến thời điểm hiện tại Trại Tạm giam không có tài liệu gì thể hiện nội dung này. Do đó, cấp sơ thẩm không xác định đây là tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo là phù hợp.

Như vậy, đánh giá khách quan, toàn diện vụ án, HĐXX thấy: Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, hậu quả của vụ án, trên cơ sở cân nhắc, xem xét tới các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng thì mức hình phạt 12 năm tù mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo là tương xứng, đảm bảo tính răn đe, giáo dục riêng bị cáo và phòng ngừa chung tội phạm, đã thể hiện được sự nghiêm minh của pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, mặc dù có kháng cáo nhưng bị hại không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ. Từ những phân tích, nhận định nêu trên, không có cơ sở để HĐXX chấp nhận kháng cáo đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo của bị hại mà cần giữ nguyên mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với quy định pháp luật.

[4] Xét kháng cáo của bị hại đề nghị áp dụng lãi suất đối với số tiền 600.000.000 đồng, HĐXX thấy:

Bị cáo lừa đảo chiếm đoạt của bị hại số tiền là 600.000.000 đồng với thủ đoạn gian dối là đưa ra thông tin không có thật về quyền sử dụng đất hợp pháp đối với thửa đất có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 00454 mang tên chị Cao Thu H1, anh Nguyễn Văn T1 có địa chỉ tại tổ dân phố I, thị trấn S, huyện S, tỉnh Sơn La để bị hại tin tưởng giao tiền cho bị cáo chiếm đoạt; tội phạm hoàn thành kể từ thời điểm bị cáo nhận tiền của bị hại, không được xác định là giao dịch dân sự có thỏa thuận về lãi cũng như thời hạn trả nợ nên không được áp dụng quy định về tính lãi đối với tài sản là tiền bị chiếm đoạt; trong vụ án hình sự, sau

khi thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản là tiền, người phạm tội phải trả lại tài sản đã chiếm đoạt cho chủ sở hữu.

Yêu cầu bị cáo phải chịu lãi trên số tiền bị cáo lừa đảo chiếm đoạt tài sản kể từ thời điểm 30/6/2019 (thời điểm 01 năm sau khi viết giấy vay dưới hình thức chuyển nhượng đất thổ cư ngày 30/6/2018) cho đến khi xét xử sơ thẩm của bị hại là không có cơ sở chấp nhận. Căn cứ quy định tại Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015, việc Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị cáo phải hoàn trả số tiền đã chiếm đoạt mà không buộc bị cáo phải chịu số tiền lãi của số tiền lừa đảo chiếm đoạt tài sản là phù hợp quy định pháp luật.

[5]. Về nội dung kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa Cao Minh T, bà Hà Thị Kim L và ông Cao Xuân B; Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Cao Xuân B và bà Cao Thu H1, ông Nguyễn Văn T1 vô hiệu do giả tạo và không đủ điều kiện về giao dịch tặng cho. Trường hợp cấp phúc thẩm không xem xét, giải quyết, đề nghị tách ra để giải quyết bằng một vụ án dân sự khác, để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ của bị cáo Cao Minh T cho bị hại theo quy định pháp luật, HĐXX thấy:

Như đã phân tích ở trên, sau khi thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản là tiền, người phạm tội phải trả lại tài sản đã chiếm đoạt cho chủ sở hữu. Vì vậy, cùng với việc quyết định về hình phạt đối với bị cáo, Tòa án cấp sơ thẩm đồng thời buộc bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường cho bị hại là ông Ngô Tiến L1 và bà Nguyễn Thị N số tiền là 600.000.000 đồng trong cùng vụ án là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật. Đối với các Hợp đồng tặng cho là giao dịch dân sự, cấp sơ thẩm không xem xét, giải quyết trong vụ án này, vì vậy, HĐXX phúc thẩm không có thẩm quyền xem xét, giải quyết. Dành quyền khởi kiện cho các đương sự có liên quan đến các giao dịch dân sự này trong vụ án dân sự khác khi có yêu cầu và đáp ứng đầy đủ các điều kiện khởi kiện vụ án dân sự theo quy định pháp luật.

[6] Về án phí: Bị cáo Cao Minh T tự nguyện rút toàn bộ kháng cáo tại phiên tòa phúc thẩm nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị hại là ông Ngô Tiến L1, bà Nguyễn Thị N không phải chịu án phí phúc thẩm.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 348; điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ việc xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo Cao Minh T; Không chấp nhận kháng cáo của bị hại là ông Ngô Tiến L1, bà Nguyễn Thị N; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 79/2024/HS-ST ngày 12 tháng 3 năm 2024

của Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La về phần hình phạt và trách nhiệm dân sự đối với bị cáo Cao Minh T, cụ thể:

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt Cao Minh T 12 năm tù về tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*. Tổng hợp với hình phạt 16 năm 06 tháng tù của Bản án hình sự phúc thẩm số 08/2023/HS-PT ngày 09/01/2023 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đối với Cao Minh T, buộc bị cáo Cao Minh T phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là: 28 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 28/6/2021.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 579, Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật Dân sự: Buộc bị cáo Cao Minh T phải có trách nhiệm bồi thường cho bị hại là ông Ngô Tiến L1 và bà Nguyễn Thị N số tiền là 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự./.

2. Bị cáo Cao Minh T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bị hại là ông Ngô Tiến L1, bà Nguyễn Thị N không phải chịu án phí phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Vụ GĐKT I – TANDTC;
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- Cục THADS tỉnh Sơn La;
- Công an tỉnh Sơn La;
- TTG - Công an tỉnh Sơn La;
- Bị cáo (qua TTG);
- Người tham gia tố tụng khác (theo đ/c);
- Lưu: P. HCTP, HSVA.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Phạm Văn Tuyển